

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HSST

Ngày 26/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.
- *Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Phan Văn Tiến;
 2. Bà Phạm Hồng Thiêm;
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Huyền- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:* Bà Trần Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSST ngày 12/6/2017 đối với bị cáo:

Đặng Thị T1, (Tên gọi khác: T2), sinh ngày 27/3/1991; nơi sinh: Thôn T3, xã H, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T3, xã H1, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12. Họ tên bố: Đặng Xuân T4, sinh năm 1952; họ tên mẹ: Phạm Thị T5 (đã chết); chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 0950 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 31/3/2017. Bị tạm giữ từ ngày 31/3/2017; tạm giam từ ngày 03/4/2017; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất; có mặt.

Người bị hại:

Chị Trần Hồng N, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thành phố T6, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đặng Thị T1 bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo T1 và chị Trần Hồng N là bạn; hồi 13 giờ 00 ngày 26/5/2016, bị cáo được chị N cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng, có dán viền màu đen ở dọc hai bên cánh yếm trước, biển kiểm soát 17B9- 097.21. Sau khi mượn được xe, bị cáo có ý định chiếm đoạt chiếc xe nên đã nhờ người tháo biển số xe vứt đi; rồi bị cáo điều khiển xe đến nhà Đặng Văn D ở thôn Đ2, xã T7. Lúc này, D, Vũ Quang T8, Đỗ Văn H2, Tạ Văn P đang có mặt tại nhà D. Do có ý định chiếm đoạt chiếc xe nên bị cáo đã nhờ D đem chiếc xe này đi cầm cố hoặc bán để lấy tiền chi dùng. Khi biết chiếc xe mà bị cáo nhờ cầm cố không có giấy tờ nên D, T8 và H2 đã bàn nhau chiếm đoạt chiếc xe này. Sau đó, T8

điều khiển xe do bị cáo đem đến chở H2 đi; khi đến thôn T9 thì gặp Đặng Đình K đang đi xe mô tô của H2. T8 đã đổi xe cho K; còn H2 về nhà lấy giấy tờ xe của H2 mang theo. Khi T8 và H2 đi xe của H2 về nhà D thì bị cáo phát hiện ra chiếc xe này không phải xe của bị cáo mang đến. Tại đây, T8, D, H2 nói chiếc xe mà bị cáo đi đến là xe của H2; và đã chiếm đoạt xe này của do bị cáo. Mấy ngày sau, T8 mang xe đến nhà ông Nguyễn Sỹ T9 vay 4.500.000, đồng và để xe lại làm tin. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, đến ngày 31/3/2017 bị bắt theo lệnh truy nã.

Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-ĐG ngày 10/10/2016, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy đã kết luận: 01 chiếc xe mô tô HONDA Wave giá 12.000.000, đồng (Mười hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 64/CT- VKS ngày 12/6/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy quyết định truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 140; Điểm h; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Không đặt ra giải quyết trách nhiệm dân sự; vật chứng đã được Cơ quan điều tra trả lại.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Bị cáo và chị N là bạn nên ngày 26/6/2015, bị cáo đã hỏi mượn xe của chị N để đi lấy quần áo. Lúc đầu, chị N không cho mượn ngay mà sau khi bạn của bị cáo tên là B nói giúp thì chị N mới cho mượn. Sau khi mượn xe, bị cáo đi về thôn Q, xã T10; do bức tức vì chị N không cho mượn xe ngay nên có ý định bán hoặc cầm cố xe của chị N để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo đến nhờ bạn là “Cò trắng” tháo biển số xe vứt đi; sau đó đi đến thôn Đ2, xã T7 vào nhà bạn khác là Đặng Văn D. Tại đây, bị cáo gặp D, Vũ Quang T8, Đỗ Văn H2, Tạ Văn P. Bị cáo đã nhờ D cầm cố hoặc bán chiếc xe vừa mượn của chị N; sau đó thì T8 và H2 đi xe của bị cáo đi đến; khoảng hai tiếng sau thì T8 và H2 quay trở lại; đi chiếc xe khác. Bị cáo phát hiện ra vì hai chiếc xe khác đều là HONDA Wave màu trắng nhưng xe bị cáo mượn của chị N thì yếm trước có dán viền màu đen; đuôi xe không có inox bảo vệ đèn; ngược lại, chiếc xe do T8 và H2 đi về thì yếm trước lại không dán viền màu đen, đuôi xe lại có inox bảo vệ đèn. T8 nói đó là xe của bạn T8 và chửi bị cáo; H2 giơ ra tài liệu nói là giấy tờ xe nhưng không cho bị cáo nhìn rõ nên bị cáo không biết là gì; còn D chửi và ném vỏ chai C2 vào bị cáo. Do những người này không trả xe nên sau đó bị cáo phải đi bộ về thị trấn. Bị cáo bị D ném vỏ chai C2 vào nhưng không bị thương tích nên không yêu cầu giám định, cũng không yêu cầu có yêu cầu gì. Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra, người bị hại là chị Trần Hồng N trình bày: Chị quen biết bị cáo, cùng nhau đi từ thành phố T6 về huyện T11. Sau khi cho bị cáo mượn xe nhưng không thấy trả nên chị cùng anh B đi tìm bị cáo nhưng không

được nên anh B đưa chị đến Công an trình báo. Hiện chị đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình điều tra, anh Phạm Văn B trình bày: Khi chị N không cho mượn xe thì anh nói đỡ nên chị N đã đồng ý. Khi không thấy bị cáo trả xe nên anh đi tìm bị cáo nhưng không được; anh đã thông báo cho chị N để chị đến Công an trình báo.

Trong quá trình điều tra, Đặng Văn D, Vũ Quang T8, Đỗ Văn H2 xác định: Bị cáo đem xe đến nhà D; sau đó T8 và H2 đem xe đi đổi xe khác. Khi trở về nói chiếc xe bị cáo mang đến là của H2 rồi không trả xe cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Ngày 26/5/2016, bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng, biển kiểm soát 17B9- 097.21 của chị Trần Hồng N nhưng sau đó không trả chi mà đem đi nơi khác tìm cách bán xe hoặc cầm cố xe để lấy tiền chi tiêu.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng: Lời khai của người bị hại là chị Trần Hồng N; lời khai của người đã chiếm đoạt xe từ bị cáo là Đặng Văn D, Vũ Quang T8, Đỗ Văn H2; của những người làm chứng là anh Phạm Văn B, anh Tạ Văn P, anh Đặng Đình K và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/5/2016, bị cáo T1 đã lợi dụng mối quan hệ quen biết nên đã mượn được chiếc xe mô tô trị giá 12.000.000, đồng của chị Trần Hồng N; sau đó sử dụng vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự, nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội phạm và điều luật nêu trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

Bị cáo được sinh ra trong gia đình lao động, có hoàn cảnh khó khăn nhưng không chịu tu dưỡng nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng quan hệ quen biết để mượn rồi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; hành vi này nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự, cần áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt tù đối với bị cáo. Như vậy, có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp, cũng không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này:

-Những người chiếm đoạt xe do bị cáo chiếm đoạt của chị N là Đặng Văn D, Vũ Quang T8, Đỗ Văn H2; trong đó: Đặng Văn D đã bị xử phạt 11 (Mười một) tháng tù; Vũ Quang T8 đã bị xử phạt 07 (Bảy) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Riêng anh Đỗ Văn H2 do chưa đủ căn cứ khởi tố nên Cơ quan điều tra đã tách ra.

-Anh Tạ Văn P, cháu Đặng Đình K không biết việc D, T8, H2 chiếm đoạt xe từ bị cáo. Ông Nguyễn Sỹ T9 là người nhận chiếc xe khi cho vay tiền nhưng ông không biết chiếc xe do phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý những người này.

-Bị cáo trình bày: Bị cáo nhờ bạn là “Cò trắng” tháo biển số xe nhưng không biết tên, địa chỉ của cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại xe, không có bất cứ yêu cầu gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Bị cáo không yêu cầu về việc D ném vỏ chai C2 vào bị cáo nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

-Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Trần Hồng N 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng;

-01 chiếc biển kiểm soát 17B9- 097.21; Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị T1, (Tên gọi khác: T2) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

2. Xử phạt: Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 140; Điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị T1, (Tên gọi khác: T2) 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.

3.Về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Áp dụng: Khoản 1; Khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN VĂN TÙNG